

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 215/2017/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 9 - 2017

“V/v xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Trung

Các Hội thẩm: Bà Trần Thị Cúc

Bà Trần Thị Mỹ Hương

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Thanh Quốc – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

Trong ngày 14/9/2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 569/2017/TLST-HNGĐ ngày 20/7/2017 về việc “Ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 608/2017/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2017 giữa các đương sự.

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Mai H** – sinh năm 1980 (có mặt)

Trú tại: Số 192/20, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau

2/ Bị đơn: Anh **Trần Thanh T** - sinh năm 1980 (vắng mặt)

Trú tại: Số 192/20, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

3/ Người có quyền lợi liên quan: Chị **Dương Kim P**, sinh năm 1983;

Trú tại: Số 282, khóm A, phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Chị **Nguyễn Thị Mai H** trình bày như sau:

Hôn nhân: Chị và T tự nguyện kết hôn với nhau năm 2003. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, đến cuối năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trong trong làm ăn và bất đồng trong cách nuôi dạy con. Xét thấy vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 người tên Trần Huyền T1 (nữ) – sinh ngày 24/10/2003 và Trần Nhật Bảo L (nam) – sinh ngày 11/6/2012. Hiện hai con đang chung sống với vợ chồng chị, chị yêu cầu được nuôi dạy hai con, yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.500.000 đồng/con.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận

Nợ chung: Chị xác định có nợ chị P 200.000.000 đồng đến nay chưa trả, chị xác định chị tự có trách nhiệm trả nợ cho chị P.

* Tại biên bản hòa giải ngày 10/8/2017, anh **Trần Thanh T** trình bày:

Anh thừa nhận lời trình bày của chị H về thời gian kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng, con chung và tài sản chung là đúng.

Tuy nhiên về mâu thuẫn vợ chồng chỉ xuất phát thời gian gần đây, hiện tại anh đã nhận thấy lỗi lầm nên có khắc phục sửa chữa, bản thân còn thương vợ thương con nên không đồng ý ly hôn theo yêu cầu chị H.

Trường hợp giải quyết chị H ly hôn với anh, anh yêu cầu nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Anh xác định không có, việc chị H có nợ chị P hay không thì anh không biết, nếu có nợ thì đây là nợ riêng của chị H.

** Tại bản tự khai và đơn xác định yêu cầu cùng đề ngày 07/8/2017, chị Dương Kim P trình bày:*

Chị với chị H là chỗ bạn bè, có làm ăn chung qua lại tiền bạc từ năm 2015, đến năm 2017 chốt lại thì chị H còn nợ chị với tổng số tiền 200.000.000 đồng đến nay chưa thanh toán. Nay chị xác định không đặt ra yêu cầu anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho chị, để chị với chị H tự giải quyết, đồng thời chị không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị H trả nợ cho chị cùng vụ án này, chị yêu cầu vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau.

[2] Về hôn nhân: Chị H và anh T tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C nên quan hệ hôn nhân của anh chị được pháp luật bảo vệ. Thấy rằng thời gian gần đây giữa chị H với anh T có phát sinh mâu thuẫn như anh chị đã trình bày, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mâu thuẫn trong trong làm ăn và bất đồng trong cách nuôi dạy con. Khi phát sinh mâu thuẫn, mặc dù anh chị đã được cha mẹ anh T hòa giải hàn gắn cho vợ chồng anh chị nhưng không đạt được kết quả. Xét thấy, vợ chồng thì phải có sự yêu thương, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, tuy nhiên quá trình hòa giải tại Tòa cũng như tại phiên tòa chị H xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh T, ngược lại anh T vắng mặt tại phiên tòa, không nêu được biện pháp khắc phục khuyết điểm để hàn gắn tình cảm vợ chồng, điều đó cho thấy anh T cũng không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị H. Như đã nhận định trên thấy rằng, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T với chị H đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu của chị H về việc được ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có 02 con tên Trần Huyền T1 (nữ) – sinh ngày 24/10/2003 và Trần Nhật Bảo L (nam) – sinh ngày 11/6/2012 hiện hai con đang chung sống với vợ chồng anh chị. Xét thấy, cha mẹ đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc nuôi dạy con chưa thành niên, tuy nhiên theo biên bản ghi nhận ý kiến cháu Trần Huyền T1 vào ngày 08/8/2017 tại Tòa án thì cháu T1 có nguyện vọng được sống chung với chị H sau khi anh chị ly hôn. Để không làm ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường về thể chất và tinh thần các cháu nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H về việc giao Trần Huyền T1 và Trần Nhật Bảo L cho chị H tiếp tục nuôi dạy.

Theo quy định của pháp luật về hôn nhân và gia đình, sau khi vợ chồng ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên tòa, chị H yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật đến khi các con tròn 18 tuổi xét thấy là phù hợp nên được chấp nhận.

Anh T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Do chị H với anh T tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ: Chị H xác định chị với anh T có nợ chung chị P 200.000.000 đồng, ngược lại anh T xác định đó là nợ riêng của chị H. Theo chị P trình bày anh T không có nợ chị, mà đây là nợ riêng của chị H, nên chị P có ý kiến bằng văn bản không buộc anh T phải có trách nhiệm trả nợ cho chị.

Tuy nhiên tại vụ án này chị P xác định không yêu cầu chị H phải có nghĩa vụ thanh toán nợ, đề chị với chị H tự thỏa thuận giải quyết. Chị H cũng đồng ý để chị H với chị P tự thỏa thuận giải quyết khoản nợ trên. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Án phí hôn nhân gia đình chị H phải nộp theo quy định.

[7] Về thủ tục tố tụng: Anh T và chị P vắng mặt, căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt đối với anh T, chị P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt anh Trần Thanh T và chị Dương Kim P.

Áp dụng các 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Mai H.

Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Mai H được ly hôn với anh Trần Thanh T.

Về con chung: Giao hai con tên Trần Huyền T1 (nữ) – sinh ngày 24/10/2003 và Trần Nhật Bảo L (nam) – sinh ngày 11/6/2012 hiện đang sống với chị H và anh T cho chị H nuôi dạy.

Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng với số tiền 650.000đồng/con, thời điểm cấp dưỡng từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi các con tròn 18 tuổi.

Anh T không trực tiếp nuôi hai con nhưng có quyền và nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Tài sản chung: Tự thỏa thuận không xem xét.

Về nợ: Không xem xét.

Án phí về hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Mai H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng). Ngày 19/7/2017 chị H đã dự nộp 300.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố C theo biên lai thu tiền số 3423 nên được chuyển thu án phí.

Án phí cấp dưỡng anh T phải chịu 300.000 đồng (chưa nộp).

Án xử sơ thẩm, chị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T, chị P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

“Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo đúng quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tp.C;
- Chi cục THADS tp.C;
- UBND phường B, tp.C;
- Các đương sự;
- HSVA;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Phạm Việt Trung